

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rõn;

2. Ông Tạ Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm 1973- Địa chỉ: Ấp TH, xã BHB, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: Ấp TH, xã BHB, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2021, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Văn T cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 21-01-1998 tại Ủy ban nhân dân xã BHB; Chung sống đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, đã ly thân từ năm 2010.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T;

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1993, Nguyễn Thị

Bích T1, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 03-02-2007, con chung tên N đang sống chung với bà; Hai con chung tên B và T1 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

- Ngày 20-9-2021, bà Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn T; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Bị đơn là ông T được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà Y và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 21-01-1998 tại Ủy ban nhân dân xã BHB, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Y: Bà Y và ông T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ năm 2009, đã ly thân từ năm 2010 (theo trình bày của bà Y); Từ khi xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay bà Y và ông T vẫn sống ly thân, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà Y và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Y yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định

tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về nuôi con chung:

[6.1] Xét các con chung tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1997 đã thành niên nên bà Y không yêu cầu giải quyết là phù hợp; Con chung Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 03-02-2007, nguyện vọng muốn sống chung bà Y, nên chấp nhận theo yêu cầu của bà Y là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6.2] Bà Y không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[6.3] Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà Y và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét, do đó không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 và 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà Y là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Con chung tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1997 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

2.2. Bà Nguyễn Thị Y được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 03-02-2007, đang sống với bà Y, theo nguyện vọng của con chung. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà Y và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0009172 ngày 15-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà Y đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã BHB (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương